

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án  
Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt tại xã Thắng Hải,  
huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5667/STNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số 20/2021/DV-CV ngày 31 tháng 01 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 69/TTr-STNMT ngày 03 tháng 3 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Hàm Tân;
- UBND xã Thắng Hải;
- Công ty CP TM và DV Danh Việt;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Tuấn Phong**

## PHỤ LỤC

### CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU DU LỊCH SINH THÁI BIỂN CAO CẤP LẠC VIỆT TẠI XÃ THẮNG HẢI, HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 638 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

#### 1. Thông tin về dự án:

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt.
- Địa chỉ liên hệ: 121/10, Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện: Ông Lại Minh Hậu Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.
- Mục tiêu dự án: Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, kinh doanh biệt thự nghỉ dưỡng và căn hộ du lịch biển gắn với quyền sử dụng đất lâu dài.

#### - Quy mô dự án:

+ Tổng diện tích sử dụng đất: 720.184,3 m<sup>2</sup>, được chia làm 2 hợp phần: Hợp phần 01 có diện tích: 256.296,0 m<sup>2</sup> và Hợp phần 02 có diện tích 463.888,30 m<sup>2</sup>.

+ Tổng quy mô dân số: 10.438 người (trong đó: Hợp phần 1 dân số khoảng 7.626 người. Hợp phần 2: số lượng khách du lịch khoảng 2.812 người).

- Công nghệ và loại hình dự án: Đặc thù của dự án là xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp; khu biệt thự, căn hộ, nhà vườn và hệ thống phụ trợ; khu giải trí đa chức năng; siêu thị, trung tâm mua sắm; nhà hàng; khu tổ chức sự kiện và hội thảo quốc tế; câu lạc bộ thể thao nước; cầu tàu du lịch, cây xanh, cảnh quan, hồ sinh thái, bãi đậu xe, đường nội bộ,..... Chủ Dự án trực tiếp kinh doanh, cho thuê các căn hộ khách sạn, cung cấp dịch vụ ăn uống, giải trí.

- Phạm vi, các công trình chính của dự án: Xây dựng khu thương mại dịch vụ du lịch cao tầng, thấp tầng, khu biệt thự, khu du lịch sinh thái, khu giải trí đa chức năng, siêu thị, trung tâm mua sắm, nhà hàng và hạ tầng kỹ thuật, giao thông,...

#### 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

##### 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, bụi,... phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án.

##### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

+ Khối lượng nước thải sinh hoạt khoảng 06 m<sup>3</sup>/ngày đêm (chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân); thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ và các vi sinh,...

+ Khối lượng nước thải xây dựng khoảng 05 - 07 m<sup>3</sup>/ngày (chủ yếu là nước thải sử dụng thi công, xây dựng và nước rửa xe,...); thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, ...

- Trong giai đoạn vận hành: Khối lượng nước thải khoảng 2.609 m<sup>3</sup>/ngày đêm (chủ yếu là nước thải sinh hoạt của người dân, du khách, nước thải từ khu dịch vụ,...); thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng (SS), BOD<sub>5</sub>, Amoni, Dầu mỡ động thực vật, ...

### **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng: Bụi phát sinh do hoạt động chuẩn bị mặt bằng; vận chuyển, bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị, máy móc. Khí thải phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án; san gạt mặt bằng nền móng của dự án. Thành phần chủ yếu là SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, CO<sub>2</sub>,...

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện ra vào dự án, từ hoạt động đun nấu và hoạt động máy phát điện dự phòng. Thành phần chủ yếu là SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, CO<sub>2</sub> và bụi.

### **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng: Sinh khối từ quá trình phát quang (các cây bụi, thảm thực vật, lớp đất thực bì...) khoảng 720 kg; chất thải xây dựng (gồm gạch vỡ, gỗ dăm, ống nhựa, sắt thép vụn, bao bì và một số chất thải sinh thái ...) khoảng 200 - 300 kg/ngày và chất thải từ quá trình tháo dỡ lán trại (gồm gạch vỡ, gỗ dăm, ống nhựa, sắt thép vụn,...) khoảng 500 kg.

- Trong giai đoạn vận hành: Khối lượng chất thải sinh thái phát sinh trong quá trình trồng và chăm sóc cây xanh khoảng 32 kg/tháng.

### **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 20 kg/tháng (chủ yếu từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị hư hỏng); thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, dầu động cơ, hộp số thải,...

- Trong giai đoạn vận hành: Khối lượng phát sinh khoảng 110 kg/năm (chủ yếu từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị hư hỏng: hộp mực in thải, giẻ lau dính dầu nhớt, ắc quy chì thải, bao bì cứng thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật,...).

### **2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác (nếu có):**

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 50 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các loại bao bì, vỏ com hộp, thức ăn thừa, bao bì, sắt thép, vật liệu hư hỏng, ...

- Trong giai đoạn vận hành: Khối lượng chất thải sinh hoạt từ hoạt động của nhân viên làm việc tại dự án và khách tham quan với tổng khối lượng khoảng 15.657 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các loại bao bì thực phẩm, thức ăn thừa,...

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:**

#### **3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:**

Chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp xử lý, giảm thiểu nước thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, vận hành chủ yếu như sau:

##### **3.1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:**

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí các nhà vệ sinh di động tại các khu vực thuận tiện cho việc thu gom. Định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: Toàn bộ nước thải xây dựng phát sinh trong ngày sẽ được thu gom, chứa tạm trong bồn chứa có dung tích 300 lít sau được tái sử dụng với mục đích trộn vữa trong quá trình xây dựng, không xả thải ra ngoài môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành: Toàn bộ nước thải của dự án trong quá trình hoạt động sẽ được thu gom, xử lý sơ bộ như sau:

- Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể tiếp nhận nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải từ nhà ăn → Bể tách dầu → Bể tiếp nhận nước tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải từ giặt ủi → Bể tiếp nhận nước tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Tại dự án xây dựng cụm hệ thống xử lý nước thải tập trung gồm 04 modul có quy trình công nghệ như nhau và có tổng công suất 2.609 m<sup>3</sup>/ngày với quy trình như sau: Nước thải phát sinh → Song chắn rác → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Sông Chùa (Nước thải sau xử lý đạt cột A, k = 1,0 QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt).

- Dự án sẽ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục cho hệ thống xử lý nước thải của đơn nguyên thứ nhất là 1.130 m<sup>3</sup>/ngày đêm trước khi đưa dự án vào hoạt động (sau khi dự án hoàn thiện thì các nguồn nước thải của các đơn nguyên còn lại được đấu nối vào đường ống thoát nước thải của đơn nguyên thứ 1 trước vị trí lắp đặt hệ thống quan trắc tự động). Dữ liệu quan

trắc tự động được lưu trữ và truyền về cho Sở Tài nguyên và Môi trường để quản lý, theo dõi.

### **3.2. Về xử lý bụi, khí thải:**

Chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp xử lý, giảm thiểu bụi, khí thải và chất thải khác liên quan đến không khí phát sinh trong giai đoạn thi công và xây dựng, vận hành chủ yếu như sau:

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

+ Thực hiện các biện pháp che chắn tạm thời bằng tôn tại khu vực công trường; phủ bạt kín các khu vực tập trung nguyên vật liệu có khả năng gây bụi như cát, xi măng và phương tiện vận chuyển.

+ Thường xuyên tưới phun ẩm tại khu vực công trường với tần suất khoảng 03 lần/ngày theo tình hình thực tế vào những ngày nắng nóng, lượng nước tưới ẩm khoảng 22,5 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Dựng hàng rào cách ly (bằng tôn) cao 4m để giảm lượng bụi phát tán ra khu vực xung quanh trong suốt quá trình thi công xây dựng Dự án.

+ Sử dụng lưới để che chắn xung quanh khu vực xây, trắc ximăng nhằm hạn chế vữa xi măng rơi vãi; Trang bị thiết bị bảo hộ lao động như mặt nạ, khẩu trang,... cho công nhân làm việc, đặc biệt thi công công đoạn trét vôi, chà nhám; Thường xuyên tưới ẩm nền, sàn nhà, tường để hạn chế bụi khuếch tán xung quanh.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Trồng cỏ và cây xanh xung quanh và trong khu vực Dự án. Cây xanh có tán dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời,...

+ Thường xuyên quét dọn, tưới nước các tuyến đường giao thông nội bộ nhằm giảm lượng bụi phát sinh, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ Quy định tốc độ khi các xe lưu thông ra vào trong khuôn viên Dự án. Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì phương tiện; sử dụng phương tiện còn niên hạn sử dụng; tắt máy khi dừng chờ bốc dỡ nguyên liệu,...

+ Dự án sẽ sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp và lắp đặt ống khói nhằm khuếch tán ra môi trường xung quanh.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

3.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

- Chất thải từ hoạt động phát quang: được thu gom về bãi tập kết và hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải từ quá trình xây dựng, tháo dỡ lán trại: thường xuyên thu gom đưa về nơi tập kết vật liệu tại các kho, bãi tạm của khu vực thi công. Chất thải có thể tái sử dụng, tái chế được thu gom tận dụng lại hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng. Riêng các loại chất thải không thể tái sử dụng thì hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

### 3.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Rác thực vật: Toàn bộ rác thực vật được thu gom hàng ngày bằng thùng 120L.

- Đối với khu vực dịch vụ - công cộng, công viên: Tại các khu dịch vụ, trung tâm hội nghị... sẽ bố trí các thùng rác có dung tích 20 – 50l.

- Đối với rác đường phố: Được thu gom hàng ngày nhằm tránh phát sinh mùi hôi và ruồi nhặng bằng thùng có thể tích 60L.

- Toàn bộ lượng chất thải phát sinh được thu gom từ các thùng chứa sẽ được đưa vào khu vực chứa chất thải rắn 20 m<sup>2</sup> (01 khu chứa rác vô cơ, 01 khu chứa rác hữu cơ), có mái che, cửa kín che chắn và được thu gom 01 ngày/lần. Chủ đầu tư sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý ở địa phương đến thu gom và vận chuyển xử lý bằng xe chuyên dụng theo đúng quy định.

### **3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:**

Chủ đầu tư tiến hành quản lý và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại như:

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

+ Hạn chế việc sửa chữa máy móc tại công trường (*chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố*).

+ Thu gom 100% lượng chất thải nguy hại phát sinh; từng loại chất thải nguy hại được phân loại và được dán nhãn, mã số; bố trí khu vực lưu trữ tạm chất thải nguy hại theo đúng quy định.

+ Chủ Dự án tiến hành ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án được phân loại thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn thông thường.

+ Dán nhãn, mã số từng loại chất thải nguy hại và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại (kho được xây mới, diện tích 10 m<sup>2</sup>, có mái che, tường gạch, quét vôi, kho được dán cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại, gờ ngăn nước mưa chảy tràn vào khu vực, trang bị bình chữa cháy,...).

+ Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

**3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:**  
Chất thải khác trong giai đoạn này chủ yếu là chất thải sinh hoạt.

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

+ Lập nội quy công trường yêu cầu công nhân không xả rác bừa bãi.

+ Tất cả rác sinh hoạt của công nhân phát sinh tại từng khu vực của Dự án được thu gom và tập trung vào thùng chứa có dung tích từ 120 lít có nắp đậy tại khu vực công trường. Chủ đầu tư sẽ trang bị mỗi khu vực 4 thùng chứa rác tại các địa điểm sao cho thuận tiện nhất cho việc thu gom.

+ Rác sinh hoạt của công nhân sẽ thu gom về kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích khoảng 15 m<sup>2</sup>, với tần suất thu gom 1 ngày/lần.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt mỗi hộ dân, khu khách sạn, khu dịch vụ, vui chơi, giải trí,... được đựng trong các thùng rác có dung tích 10 lít, 20 lít, 60 lít, 120 lít có nắp đậy được bố trí dọc tuyến đường và trong từng phòng nghỉ và từng khu vực dịch vụ,....

+ Bố trí kho chứa chất thải sinh hoạt thông thường có diện tích 20 m<sup>2</sup>. Kho chứa có mái che, cửa kín che chắn cẩn thận và rác thải sinh hoạt được thu gom 01 ngày/lần. Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý hàng ngày.

**3.6. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

+ Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công cơ giới tạo ra theo đúng tiêu chuẩn môi trường quy định.

+ Trang bị các thiết bị chống ồn như nút bịt tai,... cho công nhân xây dựng khi thi công gần các nguồn phát sinh độ ồn cao.

+ Không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

+ Bố trí thi công hợp lý để hạn chế tiếng ồn cộng hưởng. Các thiết bị thi công có độ ồn cao không hoạt động trong giờ nghỉ ngơi của người dân (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ và từ 22 giờ đến 06 giờ).

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Máy phát điện, hệ thống xử lý nước thải được bố trí xa các khu dân cư, khu dịch vụ,... của dự án. Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng cách âm và có đệm chống rung.

+ Nền móng đặt các thiết bị bơm, thổi khí, máy phát điện được xây dựng bằng bê tông.

+ Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy phát điện, máy bơm,... để giảm rung.



+ Bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện định kỳ.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

- *Biện pháp phòng chống cháy nổ:* Mỗi khu vực trong Dự án được trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy riêng, bao gồm: các thiết bị chữa cháy như: bình bột, bình CO<sub>2</sub>,... và hệ thống chữa cháy cố định: bể chứa nước chữa cháy, trụ cấp nước chữa cháy, hệ thống đường dây, ống dẫn và vòi phun,... đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn khu vực Dự án. Đường nội bộ được thiết kế rộng, đảm bảo xe chữa cháy ra vào dễ dàng. Có kế hoạch định kỳ kiểm tra các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- *Ứng phó sự cố do hệ thống xử lý nước thải:* Trang bị các thiết bị dự phòng như bơm, máy thổi khí đảm bảo nếu các thiết bị đang hoạt động nhưng bị hư hỏng thì nhanh chóng thay thế để tiếp tục vận hành. Thường xuyên bảo trì định kỳ các máy móc thiết bị như bơm máy thổi khí,... Kết nối hệ thống điện lưới quốc gia với máy phát điện dự phòng nhằm đảm bảo nguồn điện cho trường hợp hệ thống điện lưới quốc gia cúp thì máy phát điện dự phòng sẽ thay thế. Thường xuyên cung cấp men vi sinh tại bể sinh học hiếu khí cũng như tuần hoàn bùn từ bể lắng về bể hiếu khí đảm bảo lượng men vi sinh cần thiết để xử lý nước thải. Định kỳ lấy mẫu chất lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống.

- *Ứng phó sự cố tai nạn giao thông:* Yêu cầu các chủ phương tiện vận chuyển ra vào khu vực Dự án phải chấp hành các quy tắc về an toàn giao thông, chạy đúng tốc độ để hạn chế bụi phát tán vào không khí, người điều khiển phải đủ tư cách (có bằng cấp) mới được điều khiển và tuân thủ mọi quy định về điều kiện sử dụng và điều khiển phương tiện; Tổ chức bố trí biển báo và bố trí nhân viên để điều tiết giao thông, thực hiện nghiêm túc các biện pháp phân luồng giao thông trong những giờ cao điểm.

**4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:** Tại dự án xây dựng cụm hệ thống xử lý nước thải tập trung gồm 04 modul có quy trình công nghệ như nhau và có tổng công suất 2.609 m<sup>3</sup>/ngày, cụ thể như sau:

- Đơn nguyên 1: công suất 1130 m<sup>3</sup>/ngày (xây dựng, lắp đặt ban đầu cùng với các hợp phần của dự án).

- Đơn nguyên 2: công suất 570 m<sup>3</sup>/ngày (xây dựng, lắp đặt khi dự án được 50% dân cư).

- Đơn nguyên 3: công suất 570 m<sup>3</sup>/ngày (xây dựng, lắp đặt khi dự án được 75% dân cư).

- Đơn nguyên 4: công suất 339 m<sup>3</sup>/ngày (xây dựng, lắp đặt khi dự án được 90% dân cư).

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:**

## 5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

### 5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- Thông số khảo sát: Vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, rung, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.
- Vị trí giám sát: 02 điểm:
  - + Tại 01 điểm trong ranh giới dự án đầu hướng gió (cách vị trí xây dựng 100m).
  - + Tại 01 vị trí ở trong ranh dự án cuối hướng gió (cách vị trí xây dựng 100m).
- Tần suất: 6 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT.

### 5.1.2. Giám sát chất thải rắn:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng trong giai đoạn xây dựng.
- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 5.1.3. Giám sát khác:

- *Giám sát kiểm tra công tác thực hiện vệ sinh an toàn và lao động:* Giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến, nấu nướng thức ăn cho cán bộ, công nhân viên, điều kiện lao động và an toàn lao động của công nhân,... Tần suất thực hiện: liên tục, hàng ngày.
- *Giám sát an toàn lao động:* Kiểm tra chất lượng môi trường, điều kiện làm việc tại công trường; tính đầy đủ, an toàn của các trang thiết bị bảo hộ lao động,... Tần suất thực hiện liên tục hàng ngày trong quá trình xây dựng.
- *Giám sát an toàn giao thông:* quy định cụ thể tốc độ khi đi qua khu vực này (dưới 5km/h), có biển báo phương tiện giao thông thường xuyên ra vào,... Tần suất thực hiện liên tục hàng ngày trong quá trình xây dựng.

## 5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

### 5.2.1. Giám sát nước thải:

Chủ dự án thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- *Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả từng công đoạn xử lý nước thải của từng modul theo từng giai đoạn (04 modul):*

+ Thời gian đánh giá ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý).

+ Thông số quan trắc: pH, TSS, TDS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Nitrat, Phosphat, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng coliforms (*các thông số quan trắc được cụ thể tại từng công đoạn xử lý nước thải*).

+ Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu vào, đầu ra của từng công đoạn.

+ Quy chuẩn so sánh: Đánh giá hiệu suất xử lý của từng công đoạn xử lý theo thiết kế (không áp dụng quy chuẩn so sánh) để làm cơ sở hiệu chỉnh cho phù hợp.

- *Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải của từng modul theo từng giai đoạn (04 modul):*

+ Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); Thời gian đánh giá là 07 ngày liên tiếp.

+ Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý.

+ Thông số giám sát: pH, TSS, TDS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Nitrat, Phosphat, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng coliforms.

+ Quy chuẩn so sánh QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, k = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

### 5.2.2. Giám sát chất thải rắn

Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng trong giai đoạn xây dựng. Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của

Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

#### 5.2.3. Phân định bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- Vị trí giám sát: Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải.
- Tần suất quan trắc: Ít nhất 03 ngày khác nhau trong giai đoạn vận hành thử nghiệm (03 – 06 tháng).
- Số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu.
- Thông số phân tích: As, Pb, Cd, Hg, Cr<sup>+6</sup>.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

### 5.3. Trong giai đoạn vận hành chính thức:

#### 5.3.1. Giám sát nước thải:

- Thông số giám sát: pH, TSS, TDS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Nitrat, Phosphat, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng coliforms.

- *Vị trí giám sát: 01 điểm tại 01 đầu vào và 01 điểm đầu ra của cụm hệ thống xử lý nước thải tập trung.*

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, k = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

#### 5.3.2. Giám sát quan trắc tự động, liên tục:

- Thông số giám sát tự động, liên tục: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.

- Tần số giám sát: liên tục.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, k = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục được kiểm định, hiệu chuẩn và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận để kiểm tra, giám sát theo giao thức FTP trên kênh truyền Internet.

#### 5.3.3. Giám sát chất thải rắn

Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng trong giai đoạn xây dựng. Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

#### 5.3.4. Giám sát khác

*Giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung:* Theo dõi, kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị vận hành; Kiểm tra tình trạng các bể xử lý, lưu lượng, chất lượng nước thải đầu vào, hiệu quả xử lý của từng bể; Kiểm tra tình trạng hệ thống đường ống dẫn nước, thoát nước trong hệ thống xử lý nước thải tập trung, hiện tượng rò rỉ, nứt bể, vỡ đường ống; Kết quả kiểm tra được ghi chép trong nhật ký của cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất: liên tục hàng ngày.

#### 5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo./.